

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày: 27-9-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Châu

2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Bình -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. H - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01-01-1993 tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; CCCD số: 064093015036; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông G và bà X (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con.

Về nhân thân:

-Ngày 03-3-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 09 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” tại Bản án số 05/2016/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam G1, huyện M, tỉnh Gia Lai đến ngày 12-7-2016, trở về địa phương sinh sống (đã được xóa án tích).

-Ngày 26-6-2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 22/2017/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam G1, huyện M, tỉnh Gia Lai đến ngày 02-6-2018, trở về địa phương sinh sống (đã được xóa án tích).

Tiền án; tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. K - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01-01-1999 tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; CCCD số: 064099014232; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Công giáo; Trình

độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông K và bà K1; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông X1-sinh năm: 1971; Trú tại: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông K2-sinh năm: 1975; Trú tại: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch*: Ông A- sinh năm: 1968; Trú tại: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 31-3-2024, K, H và ông X2 cùng người dân trong làng uống rượu tại nhà rông văn hóa của làng thuộc làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, ông X2 rủ K đến nhà “đằm” (chòi dựng ở rẫy) của của mình tại làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để uống rượu thì K đồng ý. Trong khi uống rượu, K nhìn thấy một xấp tiền được đặt trên sàn nhà, dưới bình rượu ghè. Sau khi uống rượu được khoảng 20 phút thì K quay lại nhà rông trong làng để tiếp tục uống rượu, sau đó ông X2 cũng đi đến Nhà rông để uống rượu. Tại đây, H gặp và hỏi K “*nhà ông X2 có tiền không?*” thì K trả lời “*có*”, H hỏi tiếp “*biết chỗ để tiền không?*”, K trả lời “*tiền để dưới ghè rượu trong nhà đằm*”. Lúc này, H rủ K trộm cắp tiền của ông X2 thì K đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H và K đi bộ từ nhà rông của làng đến nhà đằm của ông X2 thì thấy không có ai ở nhà, cửa nhà không đóng. H nói K đi vào trong nhà lấy trộm tiền còn H đứng bên ngoài để cảnh giới. K đi vào nhà ông X2 lấy trộm một xấp tiền ra ngoài đưa cho H đếm được 4.400.000 đồng, H chia cho K 800.000 đồng, H giữ 3.600.000 đồng rồi cả hai đi về. Số tiền trộm cắp được, H và K đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 03/4/2024, ông X2 phát hiện bị trộm cắp số tiền 4.400.000 đồng và đến ngày 08/4/2024 ông X2 đã đến Công an trình báo sự việc.

Về Dân sự: K và H đã tác động ông KRI (bố của K) bồi thường thiệt hại cho ông XR số tiền 4.400.000 đồng. Ông X2 đã nhận số tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm. Ông KR không yêu cầu K và H trả lại số tiền 4.400.000 đã đứng ra bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 04-9-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo H và K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo H với mức án từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo K với mức án từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 31-3-2024, tại làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, H và K đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông X2 số tiền 4.400.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nêu trên của các bị cáo H và K là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 4.400.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo H và K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động người thân bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét, bị cáo K có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được

hưởng chế định án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo H và K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **H 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Cơ sở giam giữ chấp hành án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27-9-2024).

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo H, K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên